

Số: 20/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Kè chống sạt lở suối Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn II)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 4952/UBND-KT ngày 3/12/2023 của UBND tỉnh về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Kè chống sạt lở suối Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (Giai đoạn II); Công văn số 2904/UBND-BQL ngày 22/12/2023 của UBND huyện Yên Châu về việc giải trình bổ sung các ý kiến tham gia kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 901/TTr-STNMT ngày 27/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Kè chống sạt lở suối Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn II) (sau đây viết tắt là Dự án) của UBND huyện Yên Châu (sau đây viết tắt là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng

mục công trình, các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế của dự án và có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Yên Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KÈ CHỐNG SẠT LỞ SUỐI VẬT BẢO VỆ THỊ TRẤN YÊN CHÂU, HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA (GIAI ĐOẠN II)

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Thông tin chung

- Tên dự án: Kè chống sạt lở suối Vật bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (*giai đoạn II*).
- Địa điểm thực hiện: Xã Viêng Lán, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.
- Chủ dự án: UBND huyện Yên Châu.
- Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

2. Phạm vi, quy mô, công suất

2.1. Phạm vi của dự án

Dự án nằm trên địa phận xã Viêng Lán, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

2.2. Quy mô, công suất của Dự án

- Tổng diện tích chiếm dụng đất của Dự án: 1,332 ha.
- Xây dựng tuyến kè gồm 01 đoạn (*kéo dài đầu nối tiếp giáp phần kè trái đã được phê duyệt kéo dài đến vị trí cầu Na Cóc*) chiều dài $L = 187,6\text{m}$.
- Các hạng mục phụ trợ khác (*hệ thống điện, cây xanh hai bên bờ kè; đường dân sinh đầu nối đỉnh kè bên phải, vỉa hè...*).

3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án.

Kè gồm 01 đoạn (*kéo dài đầu nối tiếp giáp phần kè trái đã được phê duyệt kéo dài đến vị trí cầu Na Cóc*); chiều dài kè bờ trái bổ sung $L=187,6\text{m}$. Hình thức kè trọng lực, phía trên đỉnh kè ốp mái lát trong khung, dầm bằng tấm bê tông đúc sẵn, hệ số mái $m = 1,25$; gia cố chân kè bằng rọ đá và ống buy mặt phủ bê tông. Trên đỉnh mái kè kết hợp đắp đất, làm đường theo chiều dọc trên đỉnh kè.

- Tường kè mặt cắt hình thang, tường cao cả móng $H= 390\text{cm}$; đỉnh tường rộng $b=50\text{cm}$, bản đáy móng rộng $B=315\text{cm}$, chiều dày móng $t=90\text{cm}$. Kết cấu thân kè, móng kè bằng bê tông M200# và bê tông CT M200#.

- Nạo vét, chỉnh tuyến lòng suối 01 đoạn bổ sung chiều dài $L= 234,3\text{m}$;
- Dẫn dòng thi công bằng phương pháp đắp đê quây dọc bờ suối;
- Hệ thống lan can dọc trên đỉnh mái kè bổ sung dài $L=184,0\text{m}$; bằng ống thép đường kính $D=113,5$ dày $t=2,5\text{mm}$, khung thép hộp kích thước ($100\times 100\times 2,3$)mm, thép vuông đặc kích thước (16×16)mm;

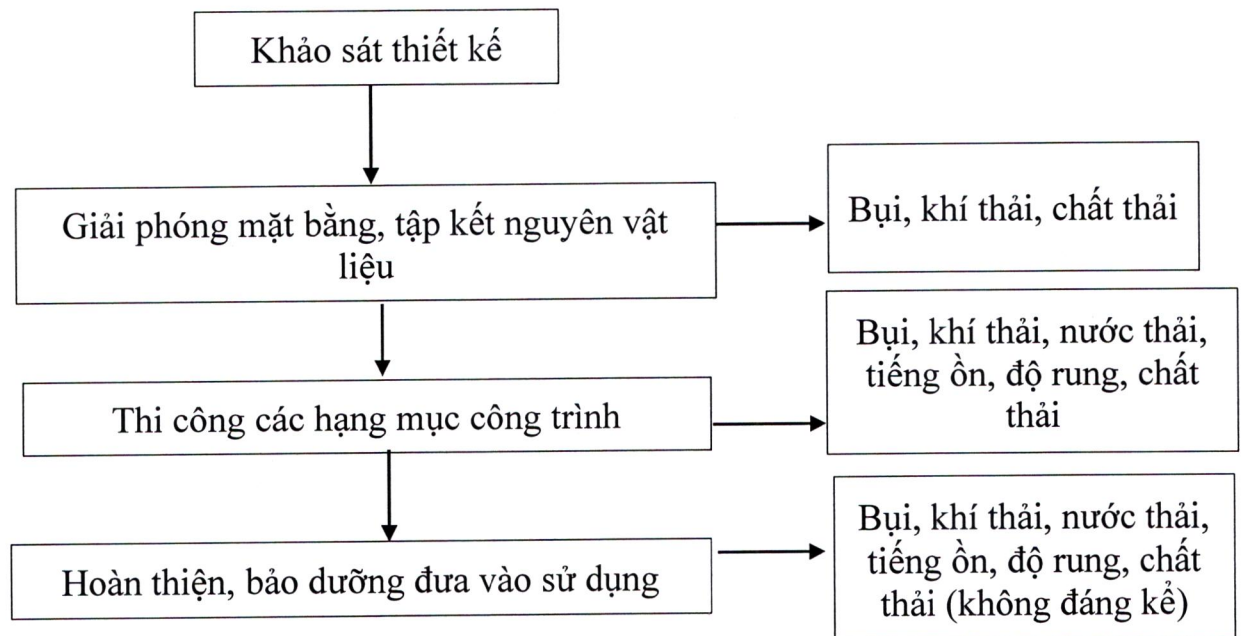
- Đường trên đỉnh kè bờ trái: Đoạn đường từ cầu Na Cóc về cầu Kho Vàng, chiều dài $L_{\text{trái}} = 549,25\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B = 3,5\text{m}$, kết cấu BTXM M350 dày 14cm, lớp móng trên bằng CPĐD gia cố xi măng 5%, lớp móng dưới bằng cấp phối thiên nhiên; đoạn đường từ cầu Kho Vàng về đến điểm kết thúc của giai đoạn 1 chiều dài $L_{\text{trái}} = 408,05\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B = 2,0\text{m}$, kết cấu BTXM M250 dày 10cm, lớp móng trên bằng CPĐD gia cố xi măng 5%, lớp móng dưới bằng cấp phối thiên nhiên.

- Đoạn đường kết nối từ cầu Na Cóc với kè trái: gia cố mái taluy BTXM gia cố lưới thép $D = 6\text{mm}$ phía lòng suối; chân đoạn gia cố mái taluy xếp hàng thảm đá bằng rọ thép xếp đá hộc; kích thước rọ $(5 \times 2 \times 0,5)\text{m}$.

+ Các hạng mục phụ trợ khác (*hệ thống điện, cây xanh hai bên bờ kè; đường dân sinh đầu nối đỉnh kè bên phải, vỉa hè...*).

- Các hoạt động của dự án

Dự án hoạt động theo quy trình như sau.



- Công nghệ sản xuất, vận hành của dự án: Tuyển kè sau khi hoàn thành được bàn giao chính thức đưa vào khai thác, sử dụng. Sau khi hết thời gian bảo trì, tuyển kè sẽ được thực hiện các công tác duy tu, sửa chữa theo đúng quy định.

4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước theo quy định của pháp luật về đất đai (*khoảng 0,75ha*) là đối tượng nhạy cảm.

II. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ KHẢ NĂNG TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Tổng hợp các hạng mục công trình thi công chính và các tác động xấu đến môi trường trong các giai đoạn thực hiện dự án. ✓

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Dự án chiếm dụng đất ở của các hộ dân; chiếm dụng đất nông nghiệp, làm suy giảm diện tích đất trồng lúa và ảnh hưởng tới đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công: phát sinh chất thải rắn thông thường. Thành phần chủ yếu bao gồm thực bì, cây cỏ, đất, cát bám theo rễ cây,...

- Hoạt động đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động khai thác, vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; có nguy cơ gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến mỹ quan, hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, cháy nổ,...

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, sụt lún công trình.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến phát sinh chất thải rắn.

III. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH, CHẤT THẢI PHÁT SINH THEO CÁC GIAI ĐOẠN CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng

1.1. Nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án theo tính toán là: 46,09m³/ngày. Tính chất của nước mưa chảy tràn chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt tại khu vực lán trại công trường thi công thải ra với lưu lượng khoảng 10 m³/ngày.đêm. bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng sau: BOD₅, TSS, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform.


- Nước thải thi công: Với lưu lượng dự báo khoảng 6 m³/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu: TSS, dầu mỡ khoáng, đất, cát.

1.2. Bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn: phát quang đốn thải thực vật; thi công tuyến đường (*đào đắp; vận chuyển vật liệu, đất đá thải; hàn kết cấu thép; trải nhựa đường*). Thành phần khí thải chủ yếu là Bụi, CO, NO₂ và SO₂.

1.3. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ phát quang thảm thực vật: Tổng khối lượng sinh khối thực vật phát quang đốn thải là 2,74 tấn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên tại công trường thi công với khối lượng phát sinh khoảng 30-50 kg/ngày; thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, giấy, bao bì, túi nilon... 

- Chất thải rắn thi công: các phế thải xây dựng khác như cát, cốt pha, thép xây dựng, gạch vỡ, vỏ bao xi măng,... khoảng 4,96 tấn

1.4. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau có dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang, bình ắc quy, hộp đựng dầu thải,... khối lượng phát sinh khoảng 85kg/tháng.

1.5. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng, vận hành dự án.

2. Giai đoạn vận hành

2.1. Nước thải

Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án theo tính toán là 69,0m³/ngày. Tính chất của nước mưa chảy tràn chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

Nước thải sinh hoạt: Tại các vị trí cần bảo dưỡng, duy tu sẽ có khoảng 5 cán bộ, công nhân tham gia thi công. Hoạt động của cán bộ công nhân viên bảo trì, duy tu công trình sẽ làm phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 0,5m³/ngày (*định mức 100 lít/người/ngày*).

2.2. Bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường. Thành phần khí thải chủ yếu là bụi, CO, NO₂ và SO₂.

2.3. Chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn từ các phương tiện tham gia giao thông

Trong giai đoạn vận hành tuyến đường, nguồn phát sinh chất thải rắn chủ yếu là do rác thải từ các phương tiện lưu thông và người dân sinh sống xung quanh vứt rác bừa bãi dọc theo tuyến đường kè.

Chất thải rắn phát sinh từ các nguồn gián tiếp như từ người đi đường, từ cây cối hai bên tuyến đường kè. Bên cạnh đó, còn có chất thải rắn do đất, cát, đá và các dạng khác trong quá trình vận chuyển rơi vãi.

b) Chất thải rắn từ hoạt động duy tu bảo dưỡng tuyến kè

Trong giai đoạn vận hành dự án, lượng chất thải rắn chủ yếu phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, duy tu tuyến kè. Chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ các công việc như thông cống thanh thải dòng chảy, sửa chữa biển báo, vá ổ gà, bong tróc mặt đường, ... với thành phần chủ yếu gồm: các loại đất bản, bê tông, rác thải từ hoạt động khơi thông cống rãnh,... với các thành phần bao gồm các loại chất thải rắn thông thường, phế thải và rác thải. Khối lượng chất thải sinh hoạt khoảng 2,5kg/ngày/đợt;

c) Chất thải rắn từ hoạt động tích tụ bùn trên lòng suối

Trong giai đoạn vận hành dự án sẽ phát sinh lượng bùn trên lòng suối. Lượng chất thải rắn phát sinh chủ yếu qua quá trình tích tụ trên lòng suối vào mùa mưa lũ do từ thượng lưu của các nhánh suối đổ về làm tăng chiều cao mực nước.

d) Chất thải nguy hại

Do máy móc, thiết bị bảo trì bảo dưỡng tuyến đường được đưa về các cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa chuyên dụng nên không phát sinh chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành của dự án.

2.4. Tiếng ồn, độ rung

Khi tuyến đường đi vào vận hành, nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến

IV. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng

1.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động 03 buồng lại khu phụ trợ để thu gom và xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải từ nhà vệ sinh này không thải ra môi trường và được lưu trữ trong bồn chứa bên dưới. Định kỳ 01 tháng/lần khi bể chứa chất thải của nhà vệ sinh lưu động đầy (*thời gian có thể thay đổi tăng giảm tùy thuộc vào lượng nước thải phát sinh thực tế tại công trường*), chủ dự án sẽ thuê đơn vị hút bể phốt trên địa bàn thu gom, xử lý đúng quy định. Kích thước nhà vệ sinh di động (DxRxC): 3.868 x 2.200 x 2.668 cm. Vật liệu: Modul nguyên khối, vật liệu Composite. Bể chứa chất thải: 1.000 lít; Bể dự trữ nước: 800 lít.

- Nước thải xây dựng: thiết kế hệ thống rãnh thu gom nước mưa trên bề mặt công trường phục vụ công tác thi công. Kích thước hố lắng: 2 × 1 × 1 m (*dài × rộng × sâu*), kết cấu bằng đất. Thời gian lắng từ 02 – 04 h. Số lượng 01 hố lắng/1 công trường, nước thải sau xử lý được tái sử dụng để khử bụi, vệ sinh máy móc, thiết bị không thải ra ngoài môi trường. Thường xuyên kiểm tra vệ sinh, nạo vét hệ thống thoát nước của dự án, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường nước mặt. Tần suất nạo vét, khơi thông cống rãnh 02 tuần/lần.

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống công thoát nước mưa bao xung quanh dự án ngăn chặn nước mặt tại khu vực đổ vào dự án và nước mặt từ dự án chảy ra khu vực xung quanh. Hệ thống rãnh thoát nước được thiết kế đồng bộ với giai đoạn trước nên chỉ thoát nước ngang mặt đường về phía taluy, kết hợp hệ thống hố ga thu nước, cống ngang D1000 và cửa xả thoát nước xuống suối Vạt.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa lớp xe: Bố trí 01 khu vực rửa lớp xe và các đường cống để thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe, rửa máy móc tại công trường vào 01 hố lắng dung tích bể 3m³, kích thước 2x1,5x1m. Kết cấu hố lắng bằng bê tông tại chỗ, tường xây gạch đặc, nắp đáy BTCT đặt tại khu phụ trợ của

dự án. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công. Các công trình này sẽ được san lấp và hoàn trả mặt bằng trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

1.2. Khí thải

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ hoạt động thi công tuyến đường và vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá thải.

+ Tưới nước dập bụi tại các khu vực phát sinh bụi lớn. Dùng 01 xe tưới nước 5 m³ để chống bụi trên các tuyến đường thi công vào những ngày nắng, khô hanh tại những khu vực phát sinh nhiều bụi và nhất là gần khu vực có dân cư sinh sống. Tần suất tưới nước 02 lần/ngày.

+ Bố trí nhân công chuyên trách thu gom quét dọn các vật liệu rơi vãi xung quanh khu vực triển khai dự án, tại các đoạn đường đi qua khu dân cư để tránh gió làm phát tán bụi bần vào môi trường. Tần suất thu gom 01 lần/ngày (*vào cuối ngày làm việc*).

+ Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

+ Xe vận chuyển nguyên vật liệu không chở quá tải, nắp thùng xe đóng kín tránh rơi vãi vật liệu làm phát tán bụi ra môi trường.

+ Cấm biển báo tốc độ, biển báo trong khu vực thi công, có rào chắn tại các vị trí nguy hiểm (*cống, hố đào*).

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm (*sáng từ 6h - 9h, chiều từ 16h - 21h tối*).

+ Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trên công trường theo quy định.

+ Lắp đặt hàng rào tôn xung quanh chiều cao tối thiểu 2,5 m tại các khu vực tập kết vật liệu tại mặt bằng phục vụ công trường thi công, khu vực bãi thải chứa đất, đá.

1.3. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La. Hạn chế các phế thải sinh hoạt trong thi công. Tận dụng triệt để các loại chất thải rắn sinh hoạt có thể tái sử dụng như rau, thức ăn thừa để cho các hộ chăn nuôi xung quanh khu vực; các loại rác thải sinh hoạt còn lại như túi đựng thức ăn... được thu gom tại chỗ bằng

các thùng rác tạm, các thùng rác tạm được bố trí tại các khu lán trại tạm của công nhân. Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng tại công trường và khu vực lán trại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (*tần suất 02 ngày/lần*).

Thực hiện các biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường theo các quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang, hoạt động xây dựng cơ bản.

+ Sinh khối phát sinh từ quá trình phát quang sẽ được đơn vị thi công thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý (*đơn vị thu gom sẽ được đơn vị thi công lựa chọn ngay trước khi tiến hành triển khai dự án*). Tuân thủ theo các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

+ Đất đá thải, chất thải rắn xây dựng: Tính toán để điều phối sử dụng nội bộ một cách tối đa cho việc san lấp nền đường, gia cố lề đường. Các loại chất thải còn lại được đem đổ thải tại các bãi thải (*02 bãi thải*).

+ Đối với tầng đất mặt khi bóc lớp đất trồng lúa: Diện tích bóc tách đất lúa là 7.500 m², độ sâu tầng đất mặt bóc tách là 20cm. Tổng lượng đất bóc tách của dự án là 1.500 m³, lượng đất này được tận dụng cho mục đích nông nghiệp của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp theo quy định tại Điều 57 của Luật Trồng trọt năm 2018 và Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

Bảng thông số các bãi thải của dự án

STT	Tên	Vị trí	Tọa độ (Hệ tọa độ VN-2000, KTT 104 ^{00'} múi chiều 3 ^{0'})	Diện tích (m ²)	Khối lượng đổ thải (m ³)	Sức chứa (m ³)
1	Bãi thải số 1	Thuộc vị trí giáp bãi thải số 02 của giai đoạn I của dự án (<i>đầu cầu Chiềng Khoi</i>)	X = 2.327.566,27 Y = 531.131,52	5.000	9.778,95	27.500
2	Bãi thải số 2	Thuộc vị trí giáp tuyến kè bổ sung nằm trong phạm vi dự án	X = 2.328.034,51 Y = 529918,78	600	2.100	2.100
3	Bãi tập kết (<i>tầng đất mặt</i>)	Bãi đất trồng của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Yên Châu, thuộc bản Mệt Sai, xã Sấp Vạt	X = 2.328.377,58 Y = 534.438,41	1.900	1.500	5.700
Tổng		-	-	-	13.378,95	35.300

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường theo các quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Chất thải nguy hại

Trang bị 04 thùng nhựa dung tích 60 lít có nắp đậy kín để phân loại, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh. Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời với diện tích xây dựng 6m², kết cấu nền kho cao hơn mặt sân 30cm, chiều cao 2,5m, xung quanh. Bên ngoài gắn biển báo khu lưu giữ chất thải nguy hại và trang bị tiêu lệnh chữa cháy và bình chữa cháy. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý chất thải nguy hại theo các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5. Tiếng ồn, độ rung

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung.

+ Kiểm soát nguồn ồn: Không sử dụng máy móc, phương tiện vận chuyển hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn > 70 dBA để thi công vào ban đêm và gần khu dân cư; khi thi công vào ban ngày chọn máy móc thiết bị có mức âm nguồn thấp.

+ Định kỳ bảo dưỡng, bảo trì, tra dầu bôi trơn hoặc thay thế các chi tiết hư hỏng của các trang thiết bị thi công (*tần suất 02 tháng/lần*).

+ Không sử dụng các máy móc thi công đã quá cũ do dễ làm phát sinh tiếng ồn lớn, lựa chọn các trang thiết bị để việc sử dụng thiết bị với mức ồn thấp nhất và đảm bảo rằng tất cả các trang thiết bị sẽ được bảo dưỡng thường xuyên, đặc biệt phải thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở thiết bị.

+ Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trên công trường theo quy định (*quần áo bảo hộ, nút chống ồn...*).

+ Các phương tiện vận chuyển không chở quá khối lượng cho phép theo thiết kế, chạy đúng tốc độ quy định.

2. Giai đoạn vận hành

2.1. Nước thải

- Hệ thống rãnh thoát nước được thiết kế đồng bộ với giai đoạn trước nên chỉ thoát nước ngang mặt đường về phía taluy, kết hợp hệ thống hố ga thu nước, cống ngang D1000 và cửa xả thoát nước xuống suối Vạt.

- Đơn vị quản lý định kỳ kiểm tra, loại bỏ rác, các dị vật, nạo vét các rãnh thoát nước và cống thoát nước đảm bảo công tác thoát nước mưa là liên tục, tránh tình trạng

ứ đọng nước cục bộ ảnh hưởng đến thoát nước mặt của tuyến đường kè với tần suất 03-06 tháng/lần.

2.2. Bụi, khí thải

- Phân công lao động vệ sinh dọc tuyến đường thực hiện thu gom đất đá, rác, vật cản khác,...

- Khi tiến hành bảo dưỡng công trình cần có biển báo, hướng dẫn giao thông và dùng vòi nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng trước khi tiến hành duy tu, bảo dưỡng để hạn chế bụi.

- Quá trình bảo dưỡng tránh tập kết nhiều nguyên vật liệu tại tuyến kè, phải tiến hành dọn dẹp sạch sẽ nguyên vật liệu rơi vãi trong và sau khi thi công.

2.3. Khối lượng nạo vét bùn, cát

Xây dựng phương án và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng tiến hành nạo vét định kỳ đảm bảo khả năng tiêu thoát lũ phục vụ công tác phòng, chống thiên tai. Khối lượng nạo vét sẽ được tận dụng hoặc đổ thải tại các vị trí bãi đổ thải phù hợp đảm bảo quy định của pháp luật.

2.4. Tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

- Bố trí các biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ dòng xe; bố trí máy móc và thời gian sửa chữa, duy tu hợp lý.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác


3.1. Giảm thiểu các tác động do hoạt động thu hồi đất, giải phóng mặt bằng

- Lập phương án phối hợp với Ban Giải phóng mặt bằng huyện thực hiện công tác hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

- Công khai thông tin liên quan đến dự án bằng các cuộc họp bàn với người dân và chính quyền, cùng với chính quyền xã và người dân khu vực dự án kiểm tra thực địa tại dự án để nhân dân được biết và giám sát thực hiện công tác hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Thông tin đầy đủ, minh bạch về dự án và kết quả hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng mà người dân nhận được; lắng nghe ý kiến của người dân và giải đáp kịp thời những thắc mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ người dân mất đất. Kết quả hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng được công khai tại UBND xã Viêng Lán để người dân được biết và kiểm tra giám sát.

- Thực hiện hỗ trợ và bồi thường theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của tỉnh Sơn La đảm bảo tính chính xác, công bằng, kịp thời.

- Giải thích, vận động người dân hợp tác thực hiện công tác hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng đồng thời hướng dẫn người dân dùng số tiền nhận được từ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng một cách hợp lý như tăng gia sản xuất. 

- Ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương đặc biệt là các hộ dân bị thu hồi đất tham gia dự án phù hợp với sức khỏe và khả năng.

3.2. Giảm thiểu các tác động đến xã hội

- Đăng ký tạm trú cho công nhân; ban hành các nội quy an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông trên công trường và tại lán trại.

- Ưu tiên tuyển dụng lao động là người địa phương; tuyên truyền, giáo dục ý thức công nhân về truyền thống văn hóa địa phương. Nhà thầu cam kết không sử dụng lao động là đối tượng vi phạm pháp luật, tội phạm ma túy,...

- Thiết lập và duy trì đội bảo vệ trên công trường tránh tình trạng trộm cắp vật tư, phá hủy máy móc.

- Thường xuyên phối hợp, thông tin với chính quyền địa phương, tổ bản về tình hình lao động, an ninh trật tự và cùng phối hợp xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân xây dựng 01 năm/lần; phối hợp với các cơ sở y tế địa phương sơ cứu, cấp cứu kịp thời người lao động bị tai nạn, ốm đau dịch bệnh; đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong sinh hoạt tại lán trại.

- Nghiêm cấm người không có nhiệm vụ ra vào khu vực dự án, bố trí chốt bảo vệ canh gác nghiêm ngặt.

- Phổ biến quán triệt công nhân xây dựng nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự không gây mất đoàn kết với nhân dân địa phương.

3.3. Các giải pháp giảm thiểu tác động đến giao thông công cộng

- Tổ chức lực lượng hướng dẫn giao thông, lực lượng này được trang bị đủ dụng cụ như: băng đeo tay, cờ chỉ huy,... và được tập huấn về chức năng, nhiệm vụ, xử lý các tình huống xảy ra.

- Bố trí lắp đặt hệ thống biển báo công trường, biển báo giảm tốc độ, sơn gờ giảm tốc... để báo hiệu cho người và phương tiện đang tham gia giao thông trên trục chính biết được vị trí công trường và đề cao cảnh giác khi lưu thông qua khu vực.

- Triển khai hướng dẫn giao thông tại các vị trí ra vào khu vực công trường của người và phương tiện phục vụ thi công các công trình.

- Hướng dẫn các phương tiện lưu thông trong hệ thống đường công vụ phục vụ thi công của các công trường, tránh tình trạng ách tắc của các phương tiện trong đường công vụ, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thi công của công trình.

- Thường xuyên sửa chữa lại đường công vụ, đặc biệt là đường công vụ tại vị trí tiếp giáp với các trục đường chính để đảm bảo các phương tiện ra vào đường công vụ một cách dễ dàng, đảm bảo giao thông ra vào thông suốt trên các đường trục hính và đường công vụ.

- Tại những vị trí mà đường công vụ là đường đắp cao thì phải có hệ thống cọc tiêu để hỗ trợ, dẫn hướng cho người và thiết bị tham gia xây dựng công trình.

- Tại các khu vực thi công nối giữa đường cũ đang khai thác và đường mới: Ngoài hệ thống biển báo hiệu, đèn báo hiệu, nhà thầu sẽ lập biện pháp thi công chi tiết để đảm bảo giao thông trên tuyến đang khai thác: thi công trên một nửa làn đường, có hệ thống barie di động, rào chắn, bố trí lực lượng phân luồng điều tiết giao thông, bố trí thời gian thi công và những giờ thấp điểm để giảm ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến...

- Có biện pháp thi công hợp lý để tránh ảnh hưởng đến các phương tiện lưu thông trên tuyến đường vào khu vực dự án.

- Tuyên truyền và yêu cầu tất cả lái xe đảm bảo tuân thủ đúng Luật Giao thông đường bộ. Các xe, máy móc tham gia dự án phải được cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Việc vận chuyển, tập kết máy móc, vật liệu xây dựng cần tránh các giờ cao điểm.

- Yêu cầu lái xe cam kết không chở quá tải, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

3.4. Biện pháp nắn dòng, hoàn trả dòng chảy và duy trì thoát nước

- Biện pháp thi công phải cụ thể, có phương án dẫn dòng tại tất cả các vị trí thi công, đảm bảo việc tiêu thoát nước trên suối. Khu vực thi công phải được quây kín để tránh bùn đất và các phế thải chảy tràn ra suối làm ảnh hưởng tới chất lượng nước suối.

- Việc thi công các công trình cần tránh thời điểm mùa mưa để giảm thiểu việc tiêu thoát nước và phòng chống ngập úng khu vực.

- Dẫn dòng thi công tính cho lưu lượng mùa kiệt tần suất $P=1\%$. Dẫn dòng hình thức đắp đê quây kết hợp kênh dẫn dòng.

- Kênh dẫn dòng hình thang có kích thước $(B \times H) = (2,0 \times 1,2)$ m. Mái kênh $m = 1,0$.

- Trước khi đắp đê quây phải bọc lớp bùn, cát, thực bì phía trên 30cm. Sau đó mới tiến hành đắp đê quây.

- Tận dụng khối lượng đào kênh dẫn dòng và đào móng kè tại chỗ để đắp đê quây.

- Sau khi hoàn thành thi công kè, phải san gạt dọn dẹp đê quây, lấp lại kênh dẫn dòng về đúng cos thanh thải lòng suối theo thiết kế.

3.5. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro

a) Biện pháp giảm thiểu sự cố trượt sạt đất đá trong quá trình đào đắp các hạng mục công trình, tại các khu phụ trợ và tại bãi thải

- Tại khu vực bãi thải.

+ Không đổ thải vượt dung tích chứa của bãi thải.

+ Đổ thải đúng trình tự: Đổ từ dưới lên tạo thành mặt bằng và nâng độ cao dần.

+ Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu đối với chất thải rắn xây dựng

đã nêu trên.

+ Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải, trồng cỏ, cây xanh... (nếu hộ dân có nhu cầu). Các biện pháp này là để chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh. San gạt tạo mặt bằng trong quá trình đổ thải, đảm bảo thoát nước mặt

- Tại các hạng mục thi công công trình:

+ Tuân thủ đầy đủ yêu cầu về nội quy an toàn lao động trên công trường.

+ Đổ thải đúng vị trí bãi thải

+ Tuân thủ các biện pháp thi công, tại các khu vực có tầng phủ dày, tiến hành bóc kỹ và gia cố cẩn thận trước khi thi công để tránh sạt trượt.

+ Tiến hành giám sát khu vực thi công trước và sau các đợt mưa lớn. Trường hợp xảy ra sạt trượt cần có biện pháp khắc phục kịp thời.

b) Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

- Kế hoạch an toàn lao động.

+ Tất cả công nhân làm việc trên công trường đều được học tập và thực hiện nội quy an toàn, quán triệt phương châm “Sản xuất phải an toàn, an toàn để sản xuất”.

+ Mọi công nhân đi làm đều được trang bị đầy đủ các dụng cụ, phòng hộ lao động như mũ, quần áo, giày, ủng, găng tay, dây an toàn trước khi vào công trường.

+ Trước khi đi làm phải kiểm tra tất cả các dụng cụ sản xuất, các dụng cụ phòng hộ, các loại máy móc thi công, khi phát hiện ra hiện tượng hư hỏng không đảm bảo an toàn phải được sửa chữa mới được đưa vào sử dụng.

+ Thiết lập đầy đủ hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công Dự án.

+ Lắp đặt hệ thống báo hiệu thi công công trình: Biển phía trước có công trường thi công, biển đi chậm,...

+ Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn thiết bị trước khi sử dụng; Lắp đặt biển báo cấm người qua lại trong phạm vi hoạt động của các thiết bị và công trường; kiểm tra tay nghề, bằng lái của những công nhân phụ trách các phương tiện máy móc và thiết bị thi công.

- Phải quan tâm tới việc lựa chọn mặt bằng và lối đi để máy xúc không bị lún hoặc sa lầy.

- Những yêu cầu khi máy xúc làm việc.

+ Không quay máy khi máy đang xúc.

+ Không hạ góc nghiêng của cần khi gàu xúc có tải.

+ Không hãm máy đột ngột khi đang quay gàu.

- + Không nâng gàu quá độ cao quy định.
- + Không đập gàu xúc vào xích hay nền đá.
- + Không cạy gỡ đất đá dính trong gàu khi ở vị trí trên cao, cách mặt đất.
- + Khi máy xúc đang làm việc mọi người không lên xuống máy xúc.
- Khi hết ca phải giao ca. Trước khi làm việc phải kiểm tra toàn bộ các bộ phận.
- Phổ biến cho tất cả các cán bộ, công nhân thi công trên công trường hiểu biết nội quy lao động và an toàn lao động.
- Lập kế hoạch ứng cứu khi xảy ra tai nạn.

+ Chủ dự án sẽ lập kế hoạch cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động, bao gồm cả đội cứu trợ, tổ chức và kế hoạch ứng cứu (*người chỉ huy, trình tự thực hiện*) và xác định địa chỉ cần thiết để tiếp xúc trong trường hợp khẩn cấp, trong đó có các bệnh viện trong địa bàn.

c) Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố, rủi ro cháy nổ, hỏa hoạn

- Biện pháp phòng cháy.
- + Tại mỗi công trường, trước khi dùng lưới điện hay điện máy tự phát đều phải kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn, của đường dây dẫn.
- + Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện để phòng tránh cháy nổ do chập điện.
- + Treo biển báo và cử người cảnh giới khi có sửa chữa điện lớn.
- + Phổ biến nội quy, tổ chức kiểm tra an toàn về điện.
- + Tăng cường các buổi họp tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy, chữa cháy và tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, đồng thời tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy tới mọi cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng dự án.
- + Xây dựng nội quy an toàn phòng cháy chữa cháy trong công trường.
- + Thực hiện nghiêm nội quy phòng cháy chữa cháy.
- + Bố trí trang thiết bị chữa cháy tại chỗ (*bình CO₂, Bơm nước, xe chở cát,...*)
- + Cử cán bộ theo dõi, tuần tra trong và ngoài phạm vi dự án 24/24 đảm bảo phát hiện cháy và có biện pháp xử lý kịp thời.

Trong trường hợp xảy ra cháy nổ sử dụng loa để thông báo tới toàn thể cán bộ tham gia thi công dự án và báo ngay cho cơ quan chức năng để tiến hành chỉ đạo phối hợp chữa cháy. Tùy vào giai đoạn thi công dự án và vị trí của đám cháy có thể sử dụng các nguyên vật liệu tập kết sẵn có tại công trình như cát, đá, sỏi phối hợp với cơ quan chức năng để tạo vành đai khoanh vùng đám cháy và dập lửa hoặc sử dụng các bơm nước và ống dẫn nước sẵn có tại dự án bơm nước từ khu vực suối, ao hồ xung quanh để dập lửa.

d) Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro do thiên tai (*mưa lớn, bão, lũ ống, lũ quét*).

- Theo dõi dự báo thời tiết thường xuyên trong suốt quá trình thi công, đặc biệt là vào mùa mưa bão.

- Bố trí kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục liên quan đến đào đắp vào mùa mưa lũ.

- Tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công.

- Bố trí rãnh thu nước đỉnh và rãnh thu nước dọc mái dốc để hạn chế tác động gây sạt lở, lũ quét, lũ bùn đá và trượt lở đất đá...

- Thi công đúng kỹ thuật và quy trình xây dựng để hạn chế những ảnh hưởng từ thiên tai.

- Lựa chọn giải pháp thi công phù hợp với điều kiện địa chất của từng khu vực thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Kiểm tra mái dốc trước và sau mưa, khi có hiện tượng sạt lở cần thực hiện các biện pháp khắc phục ngay lập tức.

- Chủ động phương tiện, vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn bảo vệ người, tài sản và công trình.

- Khi nhận được dự báo đề phòng lũ quét, lũ ống, chủ dự án chủ động di dời hoặc sẵn sàng phương án sơ tán. Chủ dự án thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy phòng chống bão lũ tại địa phương để cập nhật thông tin về thiên tai, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó mưa lũ, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất bảo đảm thông tin đến được công nhân xây dựng tại các công trường.

- Phối hợp và thông báo với Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Yên Châu kịp thời ứng cứu, hạn chế thiệt hại về người, tài sản, kinh tế khi có sự cố xảy ra.

V. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

1.1. Môi trường không khí

- Các thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, độ ẩm, tốc độ gió, áp suất, bụi lơ lửng; CO; SO₂; NO₂, độ rung.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí: Mẫu khí khu vực cuối tuyến kè

- Tần suất: 06 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT

1.2. Môi trường nước mặt

- Các thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅ (200C), COD, Amoni, Nitrit, Fe, Cu, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.

- Vị trí giám sát 01 vị trí: Nước suối Vạt đi qua khu vực dự án.
- Tần suất: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: *QCVN 08:2023/BTNMT*

1.3. Giám sát chất thải rắn

- Mục đích: Đánh giá thành phần, khối lượng chất thải rắn được lưu giữ để có các biện pháp bổ sung giảm thiểu ô nhiễm.

- Đối với chất thải rắn xây dựng.

+ Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý chất thải rắn xây dựng; giám sát việc vận chuyển đất đá thải trong quá trình xây dựng; giám sát việc gia cố bãi thải, hiện tượng trượt sạt bãi thải, giám sát việc trồng cây tại bãi thải sau khi kết thúc xây dựng.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng công trình, khu vực bãi thải.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt.

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

1.4. Giám sát chất thải nguy hại

- Mục đích: Đánh giá thành phần, khối lượng chất thải nguy hại được lưu giữ để có các biện pháp bổ sung giảm thiểu ô nhiễm.

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

+ Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

1.5. Giám sát quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu

- Mục đích: Giám sát việc che chắn xe chở nguyên, nhiên, vật liệu; tải trọng cho phép.

- Tần suất: Liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

- Thời gian thực hiện: Trong giai đoạn triển khai xây dựng.

1.6. Giám sát sạt lở, sụt lún công trình

- Mục đích: Đánh giá khả năng sạt lở, sụt lún công trình.
- Thông số giám sát: Mức độ sạt lở, sụt lún của công trình.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng đường giao thông.
- Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường).

Do đó việc giám sát trong giai đoạn này chủ yếu là giám sát trượt, sụt, lún tuyến đường được khai thác tối đa tránh được các sự cố gây hư hỏng, xuống cấp.

- Vị trí giám sát: Trên toàn tuyến.
- Tần suất giám sát: 02 lần/năm.
- Đơn vị giám sát: Đơn vị tiếp nhận quản lý Dự án trong giai đoạn vận hành.

IV. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

2. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các nội dung của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Dự án chỉ được phép triển khai thực hiện sau khi đã hoàn thiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

4. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường. Trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu tác động, đồng thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) và chịu trách nhiệm thống kê bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

5. Xây dựng phương án điều tiết giao thông trước khi triển khai thi công; kết nối giao thông vào khu vực bãi thải, khu vực thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án, tuyến đường vận chuyển và khu vực đổ thải về thời gian và địa bàn thi công; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an

toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

6. Chịu trách nhiệm về khối lượng đất, đá thải của dự án. Đồng thời tính toán, thiết kế chi tiết phương án đổ thải, kè chắn bãi thải đảm bảo không ảnh hưởng đến cao độ hiện trạng của đường giao thông, các vấn đề an toàn vận hành hệ thống điện liên quan; phương án thoát nước mặt và khả năng tiêu thoát lũ của khu vực. Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn đảm bảo có độ dốc ổn định, có bờ bao quanh các bãi thải, chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh. Không được tự ý làm thay đổi mục đích sử dụng đất khu vực bãi thải khi chưa có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

7. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 57 của Luật Trồng trọt năm 2018 và Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ. Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp kỹ thuật trong quá trình đổ đất, đá thải, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất của vị trí sử dụng làm bãi đổ thải. Xây dựng chi tiết phương án đổ thải, khoanh định mốc giới và phạm vi khu vực đổ thải, trường hợp đổ thải tràn ra ngoài phạm vi đổ thải hoặc xảy ra các sự cố sạt lở bãi thải gây ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh thì Chủ dự án phải có trách nhiệm khắc phục và bồi thường theo quy định.

9. Cam kết tiếp thu toàn bộ, trung thực kết quả tham vấn và đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động của dự án đầu tư đối với môi trường và các ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân bị ảnh hưởng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và kết quả tham vấn trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

10. Đảm bảo trong quá trình thi công không gây ngập úng đối với diện tích đất sản xuất của người dân, đảm bảo dòng chảy không gây xói lở, ảnh hưởng đến môi trường; trường hợp xảy ra úng ngập và thiệt hại chủ dự án có trách nhiệm bồi thường theo quy định.

11. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp gây ô nhiễm môi trường và gây ra sự cố môi trường chủ dự án phải thống kê và bồi thường thiệt hại theo quy định./